

Số: /2024/NQ-HĐND Đăk Lăk, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về Khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư số 84/2021/TT-BTC, ngày 04/10/2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh Đăk Lăk Quy định chế độ chi tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Đăk Lăk Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đăk Lăk Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp thứ chín.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí khuyến nông địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Bổ sung thêm cụm từ “tiền bộ khoa học kỹ thuật” vào trước cụm từ “công nghệ trong nông nghiệp” tại Điểm a, b Khoản 2 Điều 4, như sau:

“a) Đối tượng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong nông nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên được hỗ trợ 100 % chi phí thuê chỗ ở nhưng tối đa không quá 450.000 đồng/người/ngày đối với các lớp học tổ chức tại thành phố Buôn Ma Thuột, không quá 350.000 đồng/người/ngày đối với các lớp học tổ chức tại thị xã thuộc tỉnh, 300.000 đồng/người/ngày đối với các vùng còn lại.

b) Đối tượng chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong nông nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo), chi hỗ trợ tiền ăn thực hiện theo Khoản 1, Điều 3 Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

Người học cư trú xa nơi tổ chức học từ 15km trở lên: Được hỗ trợ 100% chi phí thuê chỗ ở theo quy định tại điểm a, Khoản 2, Điều 4 của Quy định này.

Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng, những nơi không có giao thông công cộng hỗ trợ tiền xăng xe (tự túc phương tiện xe máy) 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, buôn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khoá học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên.”

2. Bổ sung thêm từ “kỹ thuật” vào sau từ “khoa học” tại Điểm a, Khoản 1 Điều 6, như sau:

“a) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới phù hợp với nhu cầu sản xuất và định hướng phát triển của ngành.”

3. Bổ sung thêm Điểm “đ) Mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn” và Điểm “i) Các mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương” vào Khoản 1, Điều 6; Bổ sung thêm từ “Tuyên truyền, giới thiệu” vào trước cụm từ “Chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ” tại Điểm e, Khoản 1, Điều 6, như sau:

“a) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ khoa học và công nghệ mới phù hợp với nhu cầu sản xuất và định hướng phát triển của ngành.

b) Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao.

c) Xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp tốt, mô hình sản xuất có chứng nhận, mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái.

d) Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả cao và bền vững. Mô hình sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, dịch hại, bảo vệ môi trường.

đ) Mô hình phát triển sản xuất để giảm nghèo bền vững cho các đối tượng yếu thế ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn

e) Tuyên truyền, giới thiệu, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ từ các mô hình trình diễn điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng.

i) Các mô hình khác theo nhu cầu của sản xuất, thị trường và định hướng phát triển của ngành, địa phương.”

4. Thay đổi cụm từ “Chi tập huấn kỹ thuật, Hội thảo, sơ kết, tổng kết” bằng cụm từ “Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết; Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình” và bổ sung thêm từ “Điều 5” vào trước cụm từ “của Nghị định này” tại Điểm c, Khoản 2 Điều 6, như sau:

“c) Chi tập huấn kỹ thuật, sơ kết, tổng kết; Chi thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập nhân rộng mô hình:

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh, quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và điều 4, điều 5 của Nghị định này.”

5. Bổ sung thêm nội dung “Quản lý nhiệm vụ khuyến nông” vào sau Khoản 3, Điều 9 và chuyển Khoản 4 Điều 9 thành Khoản 5 Điều 9, như sau:

“4. Quản lý nhiệm vụ khuyến nông

a) Cơ quan quản lý khuyến nông được trích tối đa 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện. Một số nội dung chi được quy định như sau:

- Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, chiến lược phát triển khuyến nông, định mức kinh tế kỹ thuật khuyến nông; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ khuyến nông; xây dựng, khảo sát đánh giá, kiểm tra

giám sát, nghiệm thu, quyết toán, tổng kết, báo cáo và quản lý các chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông, gồm: Chi thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê phương tiện, vé máy bay và chi khác (nếu có) theo định mức, chế độ tài chính hiện hành;

- Chi hội đồng tư vấn, thẩm định, xác định, đánh giá, nghiệm thu chương trình, dự án, nhiệm vụ khuyến nông. Các đơn vị căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 và Khoản 1 Điều 9 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN để quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị thành các yêu cầu, nhiệm vụ chuyên môn, nội dung công việc và các mức chi cụ thể theo công lao động cho các thành viên tham gia hội đồng.

b) Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích tối đa 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến nông theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền."

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa X, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày tháng năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UB MTTQ VN tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng: ĐDBQH và HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm CN và Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, HĐND.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Chiến Hòa